

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 416/2024/QĐST-HNGĐ

Châu Thành, ngày 27 tháng 11 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 556/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

+ Trần Thị Thúy L, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre.

+ Trần Minh H, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Ấp L, xã G, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Thúy L và anh Trần Minh H đã tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện C, tỉnh Bến Tre vào ngày 03/5/2006, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị đã chung sống hạnh phúc nhưng từ tháng 8 năm 2024 thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không còn hòa hợp với nhau nên đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2024 cho đến nay. Nay, anh chị xác định tình cảm giữa vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị thuận tình ly hôn. Do đó có căn cứ công nhận cho chị Trần Thị Thúy L, anh Trần Minh H thuận tình ly hôn theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh chị không yêu cầu

cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên ghi nhận.

[2] Về con chung: Chị L và anh H có 02 con chung tên là Trần Thị Yến N, sinh ngày 21/02/2007 và Trần Hoàng Thái D, sinh ngày 05/01/2012. Khi ly hôn vợ chồng anh chị thỏa thuận thống nhất chị L là người được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và anh H không phải cấp dưỡng nuôi 02 con.

[3] Về tài sản chung: Chị L và anh H tự khai không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Chị L và anh H tự khai không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị L và anh H, mỗi người phải chịu lệ phí là 150.000 đồng. Chị L phải chịu lệ phí 150.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị L đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006191 ngày 29/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Chị L được nhận lại số tiền là 150.000 đồng theo số biên lai trên. Anh H còn phải nộp số tiền là 150.000 đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (19/11/2024), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về hôn nhân*: Chị Trần Thị Thúy L và anh Trần Minh H thuận tình ly hôn. Ghi nhận chị Trần Thị Thúy L và anh Trần Minh H không có yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

- *Về con chung*: Chị L, anh H có 02 con chung tên là Trần Thị Yến N, sinh ngày 21/02/2007 và Trần Hoàng Thái D, sinh ngày 05/01/2012.

Khi ly hôn, chị L, anh H thống nhất thỏa thuận chị Trần Thị Thúy L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và anh Trần Minh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền ngăn cản. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Chị L, anh H tự khai không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

- *Về nợ chung*: Chị L, anh H tự khai không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

2. Lệ phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Trần Thị Thúy L phải chịu lệ phí 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị L đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006191 ngày 29/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Chị Trần Thị Thúy L được nhận lại số tiền là 150.000 đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) theo số biên lai trên.

Anh Trần Minh H phải nộp lệ phí số tiền là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã Giao Long, CT-BT;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Xuân Triều